

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 01 - 9 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Bá Long

2/ Ông Hoàng Văn Hiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST - DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường Th, quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân Th - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Tr - Thanh Hóa - Phòng giao dịch Đ (Theo giấy ủy quyền ngày 30/11/2020).

2. Bị đơn: Anh Phạm Hữu V - Sinh năm 1973

Chị Bùi Thị H - Sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông Th; vắng mặt anh V và chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Lê Xuân Th trình bày:

Theo giấy đề nghị vay vốn của hộ anh Phạm Hữu V ngày 07/5/2016, mục đích để: Chăn nuôi, trồng trọt. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Triệu Sơn Thanh

Hóa - Phòng giao dịch Đà (sau đây gọi tắt là Agribank) đã phê duyệt hồ sơ và đồng ý cho gia đình anh Phạm Hữu V vay số tiền, cụ thể như sau:

Ngày 11/5/2016 Agribank phòng giao dịch Đà chi nhánh huyện Triệu Sơn và anh Phạm Hữu V, chị Bùi Thị H đã ký hợp đồng tín dụng số: 3516103385187, theo đó Agribank phòng giao dịch Đà đồng ý cho hộ anh Phạm Hữu V vay vốn với hạn mức cho vay tối đa là 100.000.000đồng, thời hạn hạn mức là 36 tháng.

Ngày 12/05/2016 anh Phạm Hữu V đã nhận nợ số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Chăn nuôi, trồng trọt, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 10%/ năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn; Kỳ hạn trả nợ như sau: Ngày 10/05/2018: Trả nợ gốc: 5.000.000 đồng; Ngày 10/05/2019: Trả nợ gốc: 25.000.000 đồng.

Đến ngày khởi kiện 30/11/2020 gia đình anh V đã thanh toán và còn nợ như sau:

- Số tiền lãi đã trả: 8.656.939 đồng.
- Số tiền gốc đã trả: 5.000.000 đồng.
- Dư nợ gốc hiện tại: 25.000.000 đồng.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, ngày 17/8/2021 vợ chồng anh V đã trả số tiền nợ gốc là 5.000.000đồng.

Ngày 19/8/2021 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 5.000.000đồng, tiền nợ gốc.

Tính đến nay ngày 01/9/2021 anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H còn nợ 28.756.950đồng. Trong đó tiền gốc 20.000.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn đã trả đủ, tiền lãi quá hạn là 8.756.950đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu gia đình anh V cùng chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên tính đến nay, anh V vẫn không trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Agribank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Agribank, cố tình không hợp tác, trốn tránh.

Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 28.756.950đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi giải quyết xong vụ án.

* Đối với anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng anh chị đều không có mặt.

* Tòa án tiến hành làm việc với ông Phạm Hữu Tư là bố đẻ của anh Phạm Hữu V. Ông T cho biết do có chủ trương của nhà nước nên vợ chồng anh V và chị H có vay tiền của ngân hàng nông nghiệp vào năm 2016, vay của phòng giao dịch Đà số tiền 30.000.000đ và đã trả được một ít, còn nợ lại 25.000.000đ. Vợ chồng anh V đã đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Ông cho rằng nợ tiền của nhà nước là

phải trả, tuy nhiên do điều kiện các con còn khó khăn nên chưa trả được, ông cũng đã thông báo cho các con về việc khởi kiện nhưng các con chưa về làm việc được.

* Theo UBND xã Thọ Cường cho biết: Năm 2016 hộ anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H có đủ điều kiện vay vốn theo chương trình hỗ trợ sản xuất chăn nuôi nên chính quyền đã ký xác nhận để anh V chị H vay vốn. Tuy nhiên hộ anh V không thực hiện trả nợ đúng cam kết, nhiều lần ngân hàng cùng địa phương phối hợp để thu nợ nhưng hộ anh V không hợp tác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh V và chị H.

[2]. Về hình thức và quan hệ pháp luật: Hợp đồng tín dụng số 3516103385187 ngày 11/5/2016 giữa Ngân hàng N phòng giao dịch Đ với hộ anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H, mục đích vay tiền là chăn nuôi và trồng trọt. Do vậy khi phát sinh tranh chấp Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết là theo đúng thẩm quyền.

[3]. Về nội dung: Hợp đồng vay vốn được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép.

Sau khi nhận tiền vay, hộ anh Phạm Hữu V không trả số tiền nợ đầy đủ theo thỏa thuận, nhiều lần Agribank có văn bản đòi nợ nhưng anh V, chị H vẫn không trả hết nợ cho Agribank. Nên Agribank yêu cầu giải quyết là đúng pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện: Quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền vay: Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn, hộ anh V đã được ngân hàng cho vay 30.000.000đ, được giải ngân 01 lần, thể hiện tại sổ theo dõi tiền vay và kỳ hạn trả nợ ngày 12/5/2016 kèm theo hợp đồng tín dụng. Các bên thống nhất cách tính lãi theo Điều 2, 4 tại Thỏa thuận lãi suất tiền vay trung, dài hạn ngày 12/5/2016 kèm theo hợp đồng tín dụng.

Về thực hiện hợp đồng và số tiền phải trả:

Theo hợp đồng và bảng theo dõi phát tiền vay hộ anh V đã nhận tiền vay 01 lần vào ngày 12/5/2016 với số tiền vay 30.000.000đ, nhận tiền mặt, kỳ hạn trả nợ vào ngày 10/5/2018 trả tiền gốc 5.000.000đ, ngày 10/5/2019 trả tiền gốc 25.000.000đ, kỳ hạn trả lãi 06 tháng/lần.

Quá trình thực hiện anh V đã trả được số tiền nợ như sau:

- Tiền nợ gốc, ngày 10/5/2019 trả 5.000.000đ, ngày 17/8/2021 trả 5.000.000đ. Đến nay còn nợ 20.000.000đ tiền gốc.
- Tiền nợ lãi: Qua nhiều lần trả tiền lãi tính đến nay anh V đã trả được 8.656.939đồng.

Từ ngày 12/5/2016 đến ngày 10/5/2018 lãi trong hạn là 6.066.667đ; từ ngày 10/5/2018 đến ngày 30/5/2018 do chưa trả được số tiền gốc 5.000.000đ như thỏa thuận nên lãi suất trong hạn là 13.889đ, lãi suất quá hạn của số tiền gốc phải trả là 41.667đ; từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/8/2021 số tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 25.000.000đ là 8.645.833đ; từ ngày 17/8/2021 đến ngày 01/9/2021 tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 20.000.000đ là 125.000đ. Đến nay đã chuyển sang nợ quá hạn (từ ngày 10/5/2018 của số tiền gốc 5.000.000đ và số tiền 25.000.000đ từ ngày 10/5/2019 đến nay) tổng cộng số tiền nợ lãi quá hạn là 8.812.500đ.

Theo điều 3 bảng thỏa thuận lãi suất tiền vay và HĐTD bên vay trả lãi định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 12 các tháng 11 và 5 trong năm, việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng và Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo điểm b khoản 1 Điều 4 HĐTD; theo mục 4 thỏa thuận lãi suất khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay nếu bên vay không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc và lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của HĐTD sang nợ quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy bắt đầu từ ngày 10/5/2018 anh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ về tiền nợ gốc 5.000.000đ và từ ngày 10/5/2019 số tiền gốc 25.000.000đ chuyển nợ quá hạn, do vậy thời điểm tính lãi quá hạn cũng được tính từ ngày vi phạm.

Ngày 19/8/2021 và tại phiên tòa Ngân hàng Agribank rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 5.000.000đồng do anh V đã trả.

Xét Ngân hàng Agribank rút một phần yêu cầu khởi kiện như nêu ở trên là tự nguyện nên HĐXX cần đình chỉ đối với một phần yêu cầu này.

Đến nay anh V và chị H còn: Nợ gốc: 20.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 8.756.950đồng. Tổng cộng: 28.756.950đồng. HĐXX thấy rằng:

- Đối với số tiền nợ gốc do anh chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quá trình trả nợ gốc anh V chị H đã trả được 10.000.000đồng (vào ngày 30/5/2018 và ngày 17/8/2021) hiện nay còn nợ 20.000.000đồng, ngân hàng đã thông báo, lập biên bản làm việc nhưng anh chị không trả nên cần buộc anh chị phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 20.000.000đồng.

- Đối với số tiền nợ lãi thì thấy rằng, kỳ trả lãi 06 tháng/lần vào ngày 12 các tháng 11 và 5 trong năm. Hộ anh V đã trả được 8.656.939đ trong đó lãi trong hạn 8.048.606đ và lãi quá hạn 608.333đ. Do đã quá thời hạn trả 5.000.000đ tiền gốc ngày 11/5/2018 thì số tiền này đã chuyển nợ quá hạn và số tiền gốc 25.000.000đ phải trả vào ngày 11/5/2019 tháng theo sổ theo dõi thu nợ nên vào ngày 11/5/2019 là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì không trả đủ số tiền, thời điểm phát sinh lãi quá hạn là vào ngày 11/5/2019 đến ngày 01/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm). Anh V và chị H còn nợ tiền lãi tổng cộng: 8.756.950đ, trong đó lãi trong hạn 552.783đ, lãi quá hạn 8.204.167đ.

Như vậy tính đến nay 01/9/2021 anh V và chị H còn nợ số tiền là: 28.756.950đ theo hợp đồng tín dụng số 3516103385187 ngày 11/5/2016 và bảng theo dõi thu nợ cũng như bảng thỏa thuận lãi suất ngày 12/5/2016. Xét thấy đây là yêu cầu thực tế và phù hợp với thỏa thuận đã ký kết giữa các bên, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận yêu cầu và buộc anh V và chị H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền trên.

[5]. Về áp dụng án lệ: Do đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo quy định của pháp luật đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nên cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh V chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 1.437.847đ.

Ngân hàng Agribank không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 773.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các TCTD; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao về xác định lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng N về trả số tiền nợ gốc là: 5.000.000đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ đến ngày 01/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 28.756.950đồng (Hai mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi đồng); Trong đó tiền nợ gốc 20.000.000đồng, tiền nợ lãi 8.756.950đồng.

Anh V và chị H tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 02/9/2021 đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi xuất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3506-LAV-3516103385187 ngày 11/5/2016.

3. Về án phí:

- Anh Phạm Hữu V và chị Bùi Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.437.847đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 773.000đ theo biên lai thu số 0001372 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Ngọc Tuấn

